

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **151/2022/DS-ST**

Ngày: 07/9/2022.

V/v “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân.

Ông Dương Thanh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2022/QĐXST- DS, ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị K (K), sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn 3, xã Ea T, thành phố B, tỉnh Đ (*Có mặt*).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đ (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:**

Bà Trần Thị K (nguyên đơn) và bà Nguyễn Thị H (bị đơn) có quan hệ bạn bè, nên nguyên đơn đã nhiều lần cho bị đơn vay tiền, tính đến nay bị đơn nợ nguyên đơn tổng cộng là 50.000.000đồng và các bên có viết giấy mượn tiền đề ngày 20/11/2015, hẹn đến ngày 20/02/2016 (AL) sẽ trả hết nợ. Khi vay các bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 3.000đồng/ngày/1 triệu. Khi vay các bên không giao tài sản làm tin.

Nhưng từ đó đến nay bị đơn mới trả được cho nguyên đơn 02 tháng tiền lãi tương ứng 9.000.000đồng số tiền lãi và gốc còn lại đến nay bị đơn không trả mặc

dù nguyên đơn đã đòi nhiều lần. Khi đến đòi nợ nguyên đơn có photo giấy nợ để nhắc nhở bị đơn trả nợ.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 50.000.000đồng và lãi suất theo quy định pháp luật. Tuy nhiên quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất.

Đối với ý kiến của bị đơn nguyên đơn không đồng ý vì: Các bên có thực hiện vay mượn nhiều lần, có khoản viết giấy nhận nợ có khoản không; cụ thể có lần bị đơn vay nguyên đơn số tiền 27.000.000đồng theo hình thức trả góp (khi vay không lập hợp đồng, nên không nhớ ngày), mà thỏa thuận trả hàng ngày, tổng cộng số tiền phải trả là 30.000.000đồng. Số tiền này bị đơn đã trả đầy đủ, nên nguyên đơn không phát sinh tranh chấp. Hiện nay ngoài khoản nợ 50.000.000đồng các bên không còn khoản nợ nào khác. Khoản vay này nguyên đơn khởi kiện một mình bị đơn không liên quan đến các thành viên khác trong gia đình bị đơn.

*** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn trình bày như sau:**

Nguyên đơn và bị đơn có quan hệ bạn bè như nguyên đơn trình bày là đúng. Nhưng đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bị đơn không đồng ý bởi vì, bị đơn đã trả hết tiền cho nguyên đơn theo hình thức trả góp mỗi tháng 1.500.000đồng bắt đầu từ ngày 27/3/2016 đến ngày 20/01/2020 là trả xong (khi trả chỉ đưa tay không viết biên nhận). Khi trả xong bị đơn có nói nguyên đơn trả lại giấy vay thì nguyên đơn đưa giấy mượn tiền đề ngày 20/11/2015, nhưng về đến nhà bị đơn mở ra coi thì thấy giấy photo nên có nói chuyện với bà Trần Thị Châu (em ruột của nguyên đơn), địa chỉ hiện tại thì bị đơn không biết nên không có cung cấp cho Tòa án. Khi trả không có người làm chứng. Khi vay các bên không giao tài sản làm tin.

Giấy vay đề ngày 20/11/2015 là do bị đơn ký xác nhận nợ không liên quan đến gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quá trình thụ lý Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, tuy nhiên quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn xác định việc vay mượn thực hiện vào ngày 20/11/2015, thời hạn trả nợ ngày 20/02/2016, như vậy đến ngày 30/3/2022 nguyên đơn mới khởi kiện, quá trình tố tụng các bên không tranh chấp về thời hiệu, nên HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là “*Kiện đòi tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại các điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự thủ tục: Nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về lãi suất, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và tự nguyện nên cần ghi nhận khi xét xử.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Đương sự đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật, tại phiên tòa đương sự có mặt không cung cấp chứng cứ gì thêm. Do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 50.000.000 đồng gốc vay ngày 20/11/2015, bị đơn thừa nhận các chứng cứ nguyên đơn cung cấp đúng là chữ ký của bị đơn đồng thời xác định đã vay nợ của nguyên đơn nhiều lần nhưng đã trả hết theo hình thức trả góp, khi trả do tin tưởng nên không viết giấy biên nhận, không có người làm chứng. Nhưng nguyên đơn không thừa nhận đồng thời nguyên đơn xác định, việc các bên vay có thực hiện vay mượn nhiều lần là đúng và trong đó có khoản vay 27.000.000 đồng trả theo hình thức trả góp nay các bên đã thực hiện xong vì vậy nguyên đơn không phát sinh tranh chấp. Còn đối với khoản vay 50.000.000 đồng hiện nay bị đơn chưa trả, bị đơn không chứng minh được việc đã trả nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ xem xét mà cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.2] Xét việc bị đơn cho rằng đã trả hết lãi suất, nguyên đơn xác định mới nhận 02 tháng tiền lãi tương ứng 9.000.000 đồng nhưng các bên đều không đưa ra được chứng cứ chứng minh; tuy nhiên đến nay thời hiệu giải quyết quan hệ tranh chấp đối với hợp đồng vay tài sản đã hết, đồng thời nguyên đơn rút yêu cầu về lãi suất vì vậy, HĐXX không có cơ sở xem xét đối với nội dung này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật $50.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.500.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 184, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 154, 256, 427, 471, 473 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung:

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị K (Kim).

+ Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị K (Kim) số tiền là: 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

+ Đình chỉ đối với yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí:

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp 2.500.000đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị K số tiền 1.250.000đồng (*Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012622 ngày 06/4/2022.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH

